

Số: 2850 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới cấp tỉnh đợt IV, năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 3803/BKH-CN-KHTC ngày 16/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2021 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa, năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 851/TTr-SKH-CN ngày 18/6/2021; của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4038/STC-HCSN ngày 09/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) mới cấp tỉnh đợt IV, năm 2021, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ KH&CN.

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 07 nhiệm vụ (*Tên, đơn vị chủ trì, mục tiêu, nội dung chính, dự kiến kết quả, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện của từng nhiệm vụ KH&CN tại Phụ lục I kèm theo*).

1.2. Kinh phí thực hiện: 21.964,549 triệu đồng (Hai mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- Nguồn sự nghiệp KH&CN (phần ngân sách nhà nước): 7.851,444 triệu đồng;

- Nguồn khác và nguồn tự có: 14.113,105 triệu đồng.

(Có dự toán chi tiết tại Phụ lục: I.1, I.2, I.3, I.4, I.5, I.6, I.7 kèm theo)

2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 07 nhiệm vụ.

2.2. Tổng kinh phí cấp: 2.355 triệu đồng (Hai tỷ, ba trăm năm lăm triệu đồng).

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho các đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

3. Các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về chính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng đơn vị chủ trì các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH ĐỢT IV, NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1.	Đề tài: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn về hoạt động nạo vét luồng hàng hải, đề xuất phân vùng xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển tỉnh Thanh Hóa	Chi cục Biển và Hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa	-Đánh giá được thực trạng hoạt động nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển tỉnh Thanh Hóa -Xây dựng được bản đồ phân vùng khu vực nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa -Đề xuất được hệ thống giải pháp triển khai có hiệu quả hoạt động nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và hệ sinh thái.	-Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 201-2020 -Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng chất nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và hệ sinh thái tại vùng biển khu kinh tế Nghi Sơn. -Nghiên cứu đề xuất giải pháp triển khai hoạt động nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét nhằm giảm thiểu tác động đến môi	-Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020. -Bản đồ phân vùng chất nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và hệ sinh thái tại vùng biển KKT Nghi Sơn (tỷ lệ 1:10000). -Hệ thống giải pháp triển khai hoạt động nạo vét luồng hàng hải và nhận chìm chất nạo vét nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và hệ sinh thái tại vùng biển khu kinh tế Nghi Sơn. - Phương án sử dụng và	18 tháng	1077,38	1077,38	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.1 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				trường và hệ sinh thái tại vùng biển Khu Kinh tế Nghi Sơn. - Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài	nhân rộng kết quả đề tài. - 01 bài báo công bố kết quả nghiên cứu đề tài.				
2.	Dự án: Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn đảm bảo an toàn sinh học gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAHP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH Xuân Hiếu	- Chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ được các quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn sinh sản và lợn thịt an toàn sinh học. - Xây dựng được 01 mô hình chăn nuôi lợn sinh sản, quy mô 62 con (60 nái, 2 đực) an toàn sinh học, được công nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP. - Xây dựng được 01 mô hình chăn nuôi lợn thịt, quy mô 600con/lứa an toàn sinh học, được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP	-Tổ chức tiếp nhận các quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn đảm bảo an toàn sinh học. - Tổ chức triển khai mô hình hình chăn nuôi lợn sinh hình chăn nuôi lợn sinh sản an toàn sinh học, đạt tiêu chuẩn VietGAHP. - Tổ chức triển khai mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học, gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAHP -Tổ chức tập huấn: Kỹ thuật chăn nuôi lợn sinh sản và lợn thịt đảm bảo an toàn	-Báo cáo kết quả mô hình chăn nuôi lợn sinh sản an toàn sinh học, quy mô 62 con/năm (60 lợn nái, 02 lợn đực), đạt tiêu chuẩn VietGAHP. -Báo cáo kết quả mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học, quy mô 600 con/lứa, đạt tiêu chuẩn VietGAHP. -Bản hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng; vệ sinh thú y và phòng bệnh trong chăn nuôi lợn sinh sản an toàn sinh học -Bản hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng; vệ sinh thú y và phòng bệnh trong chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học. - Báo cáo đánh giá hiệu	18 tháng	4447,95	1191,42	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.2 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				sinh học gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAHP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng các kết quả dự án	quả KT-XH của mô hình dự án. - Báo cáo phương án nhân rộng mô hình dự án. - Báo cáo tổng kết dự án. - Đĩa DVD ghi hình dự án.				
3.	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật ELISA để xác định hàm lượng chất cấm, dư lượng kháng sinh (Salbutamol; Ractopamie; Clenbuterol, Tylosin Lincomycin; Ciprofloxacin, Enrofloxacin Streptomycin ...) trong thực phẩm và	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa	- <i>Mục tiêu chung:</i> Nâng cao năng lực phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất cấm, dư lượng kháng sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, phục vụ kịp thời, chính xác nhu cầu kiểm nghiệm trong quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Kiểm nghiệm được chất cấm, dư lượng kháng sinh (Salbutamol;	- Xây dựng quy trình thao tác chuẩn, khảo sát và tối ưu hóa điều kiện phân tích cho từng chất phân tích. - Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử các chỉ tiêu kháng sinh và chất cấm. - Đánh giá tay nghề nội bộ. So sánh liên phòng/thử nghiệm thành thạo. - Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm gửi Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm: 8 phép thử được chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm do cơ quan có thẩm quyền cấp. - 01 Quyết định công nhận VILAS của Văn phòng công nhận chất lượng: 8 phép thử được cơ quan có thẩm quyền công nhận. - Bộ quy trình thao tác chuẩn xác định hàm lượng chất cấm, dư lượng kháng sinh (08 chất). - Báo cáo thẩm định các phương pháp thử. - Báo cáo tổng hợp kết quả	18 tháng	1443,038	1165,239	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.3 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
	thức ăn chăn nuôi, góp phần nâng cao năng lực quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.		Ractopamine; Clenbuterol, Tylosin, Lincomycin, Ciprofloxacin, Enrofloxacin, Streptomycin) trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi trên hệ thống ELISA tại Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản.	Chất lượng - Lập hồ sơ đề nghị công nhận VILAS, gửi Văn phòng công nhận chất lượng - Bộ KH&CN. - Tổng kết đề tài, nghiệm thu nội bộ và nghiệm thu cấp tỉnh.	SSLP/TNTT các phép thử. - 01 Bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành - Báo cáo tổng kết đề tài. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu đề tài.				
4.	Đề tài: Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Ngạnh (Cranoglanis sinensis) tại Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Giống thủy sản Thanh Hóa	<i>Mục tiêu chung:</i> -Xây dựng thành công quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Ngạnh, góp phần từng bước đưa cá Ngạnh thanh đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế vào thành phần cá nuôi nước ngọt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	-Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống cá Ngạnh. +Nghiên cứu kỹ thuật nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ; +Nghiên cứu kỹ thuật sinh sản nhân tạo. +Nghiên cứu kỹ thuật ương cá bột thành cá giống; +Theo dõi một số yếu tố môi trường và	- Quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá Ngạnh được Sở Nông nghiệp và PTNT xác nhận. - Quy trình kỹ thuật nuôi cá Ngạnh thương phẩm trong lồng và ao được Sở NN&PTNT xác nhận. - Sản xuất được 10.000 con cá giống, cỡ cá 4-6cm ương lên cỡ cá 8-10cm.	24 tháng	2313,991	1097,923	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.4 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			<p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <p>-Xây dựng thành công quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá Ngạnh tại Thanh Hóa với các chỉ tiêu dự kiến đạt được như sau: tỷ cá bố mẹ thành thực >50%, tỷ lệ cá tham gia sinh sản > 50%, tỷ lệ sống khi ương từ cá bột thành cá giống > 40%.</p> <p>-Sản xuất được 10.000 con cá giống cỡ 4-6cm và ương lên được 5.000 cá giống cỡ 8-10cm (Tỷ lệ sống dự kiến khi ương cá giống 4-6cm lên cỡ cá giống 8-10cm là 50%).</p> <p>-Xây dựng được quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá</p>	<p>phòng trị bệnh cá bố mẹ, cá bột, cá hương và cá giống;</p> <p>+Ứng dụng kết quả nghiên cứu để sản xuất 10.000 giống cá Ngạnh cỡ 4 - 6cm ương nuôi lên cỡ 8-10cm (tỷ lệ sống dự kiến 50%);</p> <p>+Xây dựng quy trình sản xuất giống cá Ngạnh.</p> <p>-Nghiên cứu kỹ thuật nuôi cá Ngạnh trong ao và trong lồng.</p> <p>+ Nghiên cứu mật độ nuôi cá trong ao và trong lồng;</p> <p>+ Nghiên cứu lựa chọn thức ăn phù hợp nuôi cá;</p> <p>+ Theo dõi một số yếu tố, môi trường và phòng trị bệnh</p>	<p>- Mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh trong ao (năng suất 6-8 tấn/ha/vụ; cỡ cá thương phẩm 500-700g/con; 500kg cá thương phẩm).</p> <p>- Mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh trong lồng (năng suất 10-15 kg/m³; cỡ cá thương phẩm 500-700g/con; 1.500kg cá thương phẩm)</p> <p>- Bài báo khoa học công bố kết quả của đề tài được đăng tải trên tạp chí chuyên ngành.</p> <p>- Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài.</p> <p>- Báo cáo khoa học tổng kết đề tài.</p> <p>- File điện tử lưu trong USB ghi lại toàn bộ quá trình triển khai đề tài.</p>				

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			<p>Ngạnh trong lồng và trong ao đất tại Thanh Hóa với tỷ lệ sống dự kiến đạt trên 60%.</p> <p>-Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh trong ao (năng suất dự kiến 6-8taans/ha/vụ; cỡ cỡ thương phẩm 500-700g/con; dự kiến thu được 500kg cá thương phẩm).</p> <p>-Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh trong lồng (năng suất dự kiến 10-15kg/m³, cỡ cá thương phẩm 500-700kg/con; dự kiến 1.500 kg cá thương phẩm).</p>	<p>cho cá thí nghiệm nuôi trong ao và trong lồng;</p> <p>+ Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh trong ao và trong lồng;</p> <p>+ Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh.</p> <p>- Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của các mô hình sản xuất giống và mô hình nuôi cá Ngạnh trong ao và dự trong lồng.</p> <p>- Tổ chức hội thảo về đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất giống và mô hình nuôi cá Ngạnh trong ao và trong lồng.</p> <p>- Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài.</p>					

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				- Tổng kết, nghiệm thu đề tài.					
5.	Đề tài: Nghiên cứu phục tráng, phát triển giống dưa chuột nếp đặc sản của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Viện Nghiên cứu Rau quả	- Giống dưa chuột nếp đặc sản được phục tráng, năng suất 35 - 40 tấn/ha, quả có mùi thơm, giòn có khả năng chống chịu với bệnh phấn trắng. - Quy trình sản xuất hạt giống mới phục tráng; Quy trình kỹ thuật canh tác an toàn phù hợp cho các giống mới phục tráng. - Mô hình sản xuất hạt giống đã được phục tráng, năng suất đạt 60-70 kg hạt/ha, quy mô 1 ha. - Mô hình sản xuất thương phẩm Dưa chuột nếp đã được phục tráng đạt tiêu chuẩn VietGAP	- Điều tra, đánh giá tình hình sản xuất và tiêu thụ dưa chuột nếp thương phẩm và hạt giống dưa chuột nếp tại vùng nguyên sản; thu thập, đánh giá đặc điểm nông sinh học của các mẫu giống dưa chuột nếp đã thu thập tại vùng nguyên sản. + Điều tra hiện trạng sản xuất: diện tích, năng suất, sản lượng tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; + Thu thập, đánh giá đặc điểm nông sinh học của các mẫu giống dưa chuột nếp đã thu thập tại vùng nguyên sản; + Nghiên cứu, phục	-Báo cáo kết quả tình hình sản xuất dưa chuột nếp thương phẩm và tình hình sản xuất hạt giống - Báo cáo đánh giá đặc điểm nông sinh học của các mẫu giống dưa chuột nếp - Báo cáo kết quả phục tráng giống dưa chuột nếp. -Báo cáo kết quả Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng N và K đến năng suất và chất lượng hạt giống dưa chuột nếp đã được phục tráng. -Báo cáo kết quả: Nghiên cứu ảnh hưởng của số quả giống và tuổi quả giống đến năng suất và chất lượng hạt dưa chuột đã được phục tráng. -Báo cáo kết quả: Nghiên	36 tháng	2664,01	979,78	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.5 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			<p>năng suất đạt 35 - 40 tấn/ha, quy mô 6 ha.</p> <p>- Đào tạo, tập huấn cho 15 cán bộ cơ sở và 150 lượt nông dân nắm vững được quy trình sản xuất hạt giống dưa chuột đã phục tráng và quy trình sản xuất dưa chuột thương phẩm an toàn theo hướng VietGAP để làm cơ sở nhân rộng mô hình.</p> <p>- Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài.</p> <p>- Bài báo khoa học công bố kết quả nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí chuyên ngành.</p>	<p>tráng giống dưa chuột nếp Hà Trung;</p> <p>+ Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật hoàn thiện quy trình sản xuất thương phẩm giống dưa chuột nếp đã phục tráng theo VietGAP;</p> <p>+ Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống dưa chuột nếp đã phục tráng.</p> <p>- Xây dựng mô hình, tập huấn kỹ thuật và tổ chức hội nghị thực địa đánh giá mô hình giống dưa chuột nếp Hà Trung tại 3 địa điểm đại diện.</p> <p>+ Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống dưa chuột; nếp đã phục tráng tại</p>	<p>cứu ảnh hưởng của số quả giống và tuổi quả giống đến năng suất và chất lượng hạt, dưa chuột đã được phục tráng.</p> <p>- Báo cáo kết quả: Nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian cất giữ sau thu hoạch đến năng suất và chất lượng hạt dưa chuột nếp được phục tráng.</p> <p>- Báo cáo kết quả: Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống dưa chuột nếp đã phục tráng tại vùng nguyên sản.</p> <p>- Báo cáo kết quả: Xây dựng mô hình sản xuất dưa chuột nếp thương phẩm an toàn hàng hóa theo tiêu chuẩn VietGAP.</p> <p>- Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống dưa chuột</p> <p>- Quy trình kỹ thuật sản xuất thương phẩm giống</p>				

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				vùng nguyên sản. +Đánh giá chất lượng dưa chuột thương phẩm, cấp chứng chỉ VietGAP. - Xây dựng phương án sử dụng, ứng dụng kết quả đề tài.	đưa chuột nếp. - Báo cáo chất lượng quả dưa chuột. - Báo cáo kết quả tập huấn - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Phương án sử dụng, ứng dụng kết quả đề tài. - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài. - Bài báo đăng trên tạp san ngành, vi deo thực hiện đề tài.				
6.	Dự án: Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ Nếp cái hạt cau đặc sản theo VietGap gắn	Công ty TNHH Tư vấn và chuyên giao công nghệ Việt Thanh	<i>Mục tiêu chung:</i> Phục tráng và phát triển Nếp cái hạt cau trở thành sản phẩm đặc sản, mang thương hiệu Thanh Hóa. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> - Sản xuất được 1 tấn hạt giống SNC phục vụ cho phát triển Nếp cái hạt cau theo quy mô lớn ở những năm tiếp theo.	-Xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa Nếp cái hạt cau theo VietGAP. +Lựa chọn vùng sản xuất, hộ sản xuất lúa Nếp cái hạt cau theo VietGAP; + Sản xuất giống lúa Nếp cái hạt cau Thanh Hóa siêu nguyên chủng và nguyên chủng để	- 01 tấn giống lúa Nếp cái hạt cau siêu nguyên chủng được Chi cục QLCL nông lâm thủy sản Thanh Hóa kiểm định, kiểm nghiệm và cấp giấy chứng nhận. -08 tấn giống lúa Nếp cái hạt cau nguyên chủng được Chi cục QLCL nông lâm thủy sản kiểm định, kiểm nghiệm và cấp giấy chứng nhận.	30 tháng	8871,09	1292,612	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.6 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
	với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, đem lại hiệu quả kinh tế cao tại Thanh Hóa.		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ Nếp cái hạt cau tại huyện Thạch Thành, Vĩnh Lộc, Ngọc Lặc theo tiêu chuẩn VietGAP, diện tích từ 60 - 80 ha, năng suất 42 - 45 tạ/ha; sản phẩm Nếp cái hạt cau Thanh Hóa có bao gói, có nhãn hàng hóa, tem truy xuất nguồn gốc, có tiêu chuẩn chất lượng; tăng hiệu quả sản xuất từ 10-15 % so với mô hình sản xuất hiện tại. 	<ul style="list-style-type: none"> đáp ứng nhu cầu giống cho sản xuất lúa thương phẩm. - Xây dựng mô hình liên kết chế biến, tiêu thụ gạo nếp cái hạt cau Thanh Hóa. + Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng gạo nếp Cái hạt cau Thanh Hóa; + Thiết kế logo, nhãn hàng hóa; thiết kế tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thiết kế mẫu và in bao bì đựng sản phẩm; + Chế biến gạo theo tiêu chuẩn chất lượng đã công bố, đóng bao sản phẩm; + Tổ chức quảng bá, liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Đánh giá hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất, chế biến 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất lúa Nếp cái hạt cau theo VietGAP. - Mô hình liên kết sản xuất lúa Nếp cái hạt cau theo VietGAP 60 ha, năng suất ≥ 42/ha/vụ, sản lượng ≥ 252 tấn lúa Nếp cái hạt cau thương phẩm được sản xuất theo VietGAP. - Mô hình liên kết chế biến, tiêu thụ gạo Nếp cái hạt cau: 120 tấn gạo Nếp cái hạt cau đạt chất lượng công bố, có nhãn hàng hóa, tem truy xuất nguồn gốc. - 150 lượt người được tập huấn, nắm được kỹ thuật sản xuất lúa Nếp cái hạt cau theo VietGAP. - Báo cáo đánh giá hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ gạo Nếp cái hạt cau 				

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				tiêu thụ gạo Nếp cái hạt cau xứ Thanh. - Xây dựng phương án mở rộng mô hình liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ gạo Nếp cái hạt cau xứ Thanh theo VietGAP. - Báo cáo tổng kết và nghiệm thu kết quả dự án.	xứ Thanh theo VietGAP. - Video ghi lại quá trình triển khai thực hiện dự án. - Báo cáo tổng kết dự án				
7.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	-Đánh giá được thực trạng sinh kế của cư dân ở các vùng sinh thái khác nhau tại 16 xã vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020; -Xây dựng một số mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa phù hợp theo các vùng sinh thái; - Đề xuất được hệ thống giải pháp phát	- Đánh giá đời sống sinh kế của cư dân ở các vùng sinh thái khác nhau tại 16 xã biên giới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020; -Xây dựng một số mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa phù hợp theo các vùng sinh thái; - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát	- Báo cáo về thực trạng sinh kế của cư dân ở các vùng sinh thái khác nhau tại 16 xã vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020; - Cẩm nang “Phát triển sinh kế cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa”; - Báo cáo kết quả triển khai thực nghiệm mô hình sinh kế bền vững; - Báo cáo hệ thống giải pháp phát triển mô hình	18 tháng	1147,09	1047,09	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.7 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			triển mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	triển mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 - Xây dựng phương án sử dụng kết quả của đề tài; - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; - Phương án sử dụng kết quả của đề tài; - 01 bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài.				
Cộng							21.964,549	7.851,444	

Phụ lục I.1

Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn về hoạt động nạo vét luồng hàng hải, đề xuất phân vùng xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Công lao động (khoa học, phổ thông)	591,94	591,94	375,94	0
2.	Nguyên, vật liệu, năng lượng	0	0	0	0
3.	Thiết bị, máy móc	268,00	268,00	0	0
4.	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Chi khác	217,44	217,44	217,44	0
	Tổng	1.077,38	1.077,38	593,38	0

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 798/KLTD-SKHCCN ngày 11/6/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.2

Dự toán chi tiết dự án: “Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn đảm bảo an toàn sinh học gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Nhu cầu nguyên vật liệu	3.209,27	632,84	0	2.576,43
2.	Nhu cầu năng lượng	168	0	0	168
3.	Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Chi phí hỗ trợ công nghệ	377,09	282,09	179,09	95
5.	Đầu tư cơ sở hạ tầng	150	0	0	150
6.	Chi phí lao động	350,19	83,09	83,09	267,1
7.	Chi khác	193,4	193,4	193,4	0
	Tổng	4.447,95	1.191,42	455,58	3.256,53

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 797/KLTD-SKHCVN ngày 11/6/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.3

Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật ELISA để xác định hàm lượng chất cấm, dư lượng kháng sinh (Salbutamol; Ractopamine; Clenbuterol), Tylosin Lincomycin; Ciprofloxacin, Enrofloxacin Streptomycin...) trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, góp phần nâng cao năng lực quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	575,289	378,609	378,609	196,68
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	670,569	589,450	0	81,12
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng cơ bản	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác.	197,18	197,18	197,18	0
	Tổng	1.443,038	1.165,239	575,79	277,8

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 639/KLTD-SKHCVN ngày 19/5/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

Phụ lục I.4

**Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Ngạnh
(Cranoglanis sinensis) tại Thanh Hóa ”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	1.105,651	674,743	674,743	430,908
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	647,46	282,8	0	364,66
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	88,5	0	0	88,5
4.	Khoản 4: Xây dựng cơ bản	312	0	0	312
5.	Khoản 5: Chi khác.	160,38	140,38	140,38	20
	Tổng	2.313,991	1.097,923	815,123	1.216,068

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 675/KLTD-SKHCVN ngày 24/5/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.5

**Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu phục tráng, phát triển giống Dưa chuột nếp
đặc sản của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	2.210,77	742,53	742,53	1.468,25
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	308,55	92,57	0	215,99
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng cơ bản	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác.	144,69	144,69	144,69	0
	Tổng	2.664,01	979,78	887,22	1.684,23

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 768/KLTD-SKHCVN ngày 07/6/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

Phụ lục I.6

Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ Nếp cái hạt cau đặc sản theo VietGap gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, đem lại hiệu quả kinh tế cao tại Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Nguyên vật liệu	5.753,895	568,758	0	5.185,137
2.	Năng lượng (điện, xăng dầu....)	0	0	0	0
3.	Thiết bị, máy móc mua mới	0	0	0,0	0
4.	Kinh phí hỗ trợ công nghệ	141,8	141,8	141,8	0
5.	Đầu tư cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
6.	Chi phí lao động	2.743,771	350,431	350,431	2.393,34
7.	Chi khác	231,624	231,624	231,624	35,0
	Tổng	8.871,09	1.292,612	723,855	7.578,478

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 774/KLTD-SKHCN ngày 07/6/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.7

Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động	599,93	599,93	599,93	0
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	215,9	115,9	0	100
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	331,26	331,26	137,03	0
	Tổng	1.147,09	1.047,09	736,96	100

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 834/KLTD-SKHCVN ngày 16/6/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

Phụ lục II**CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH ĐỢT IV, NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		
				Tổng số	SNKH	SNKH cấp đợt này
1.	Đề tài: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn về hoạt động nạo vét luồng hàng hải, đề xuất phân vùng xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển tỉnh Thanh Hóa.	Chi cục Biển và Hải đảo, Sở TN&MT	18 tháng	1.077,38	1.077,38	323
2.	Dự án: Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn đảm bảo an toàn sinh học gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAHP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Công ty TNHH Xuân Hiếu	18 tháng	4.447,95	1.191,42	357
3.	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật ELISA để xác định hàm lượng chất cấm, dư lượng kháng sinh (Salbutamol; Ractopamine; Clenbuterol), Tylosin Lincomycin; Ciprofloxacin, Enrofloxacin Streptomycin...) trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, góp phần nâng cao năng lực quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa	18 tháng	1.443,038	1.165,239	350
4.	Đề tài: Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Ngạnh (<i>Cranoglanis sinensis</i>) tại Thanh Hóa.	Công ty CP Giống thủy sản Thanh Hóa	24 tháng	2.313,991	1.097,923	329
5.	Đề tài: Nghiên cứu phục tráng, phát triển giống Dưa chuột nếp đặc sản của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Viện Nghiên cứu Rau quả	36 tháng	2.664,01	979,78	294
6.	Tên dự án: Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nếp cái hạt cau đặc sản theo VietGap gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, đem lại hiệu quả kinh tế cao tại Thanh Hóa.	Công ty TNHH Tư vấn và chuyển giao công nghệ Việt Thanh	30 tháng	8.871,09	1.292,612	388

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		
				Tổng số	SNKH	SNKH cấp đợt này
7.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho cư dân vùng biên giới tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	18 tháng	1.147,09	1.047,09	314
Tổng cộng				21.964,549	7.851,444	2.355